



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1683/VT-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 1980 của Bộ Vật tư (nay là Bộ Công Thương) về việc thành lập Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển đổi tên Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và hình thức doanh nghiệp từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 1 tháng 8 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Hiến	Ủy viên
Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Ủy viên
Ông Đặng Quang Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đình Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Lê Đức Bình	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Ủy viên
Bà Hoàng Thúy Hương	Ủy viên

Trụ sở đăng ký

Số 37 Phan Bội Châu
Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng,



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20-03-2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-099-KT-R



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 20-03-2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		255.734.774.409	143.851.795.009
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	101.076.822.258	34.113.248.170
Tiền	111		8.076.822.258	4.113.248.170
Các khoản tương đương tiền	112		93.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.733.283.314	56.696.781.560
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.972.608.497	51.431.922.693
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.269.214.000	2.043.407.879
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	3.491.460.817	3.221.450.988
Hàng tồn kho	140	9	73.978.254.774	52.296.738.364
Hàng tồn kho	141		81.341.687.039	59.660.170.629
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.363.432.265)	(7.363.432.265)
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.946.414.063	745.026.915
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		778.965.689	745.026.915
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	15(a)	30.167.448.374	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.298.760.569.997	1.509.849.647.748
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.722.609.802	1.533.434.580
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		231.341.561	-
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	39.773.109.069	39.633.933.847
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(38.281.840.828)	(38.100.499.267)
Tài sản cố định	220		930.122.853.203	1.097.050.334.259
Tài sản cố định hữu hình	221	10	930.122.853.203	1.097.050.334.259
Nguyên giá	222		2.501.792.544.272	2.489.985.379.283
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.571.669.691.069)	(1.392.935.045.024)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		399.877.920	53.877.920
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(399.877.920)	(53.877.920)
Bất động sản đầu tư	230	11	85.018.354.274	-
Nguyên giá	231		113.357.805.704	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.339.451.430)	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dở dang dài hạn	240		152.440.845.289	148.086.009.551
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.393.855.199	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	150.046.990.090	148.086.009.551
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	128.327.577.983	262.759.863.375
Đầu tư vào công ty con	251		83.500.000.000	216.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		68.000.000.000	68.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		61.454.000.000	60.390.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(84.626.422.017)	(81.630.136.625)
Tài sản dài hạn khác	260		1.128.329.446	420.005.983
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.128.329.446	420.005.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.554.495.344.406	1.653.701.442.757

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		464.623.524.180	563.200.833.938
Nợ ngắn hạn	310		182.380.896.082	179.166.958.938
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	20.071.832.323	39.965.392.109
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		217.700.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	10.539.405.757	3.995.680.725
Phải trả người lao động	314		16.076.340.771	14.380.721.855
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.035.015.395	3.337.413.728
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		95.818.866	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.136.231.765	4.908.899.816
Vay ngắn hạn	320	18(a)	112.793.500.000	98.365.250.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	12.415.051.205	14.213.600.705
Nợ dài hạn	330		282.242.628.098	384.033.875.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		165.277.000	-
Phải trả dài hạn khác	337		2.392.601.098	-
Vay dài hạn	338	18(b)	260.964.750.000	374.033.875.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	18.720.000.000	10.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.089.871.820.226	1.090.500.608.819
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.089.871.820.226	1.090.500.608.819
Vốn cổ phần	411	22	684.709.410.000	684.709.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		684.709.410.000	684.709.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.571.969.722	7.571.969.722
Cổ phiếu quỹ	415	22	(23.773.475.216)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	306.357.134.201	306.357.134.201
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.006.781.519	91.862.094.896
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		29.107.242.468	19.060.863.620
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		85.899.539.051	72.801.231.276
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.554.495.344.406	1.653.701.442.757

Người lập:


Nguyễn Thị Hoàng Yên
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	581.538.877.064	458.882.222.718
Giá vốn hàng bán	11	27	420.347.634.360	361.577.203.289
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		161.191.242.704	97.305.019.429
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	12.977.321.428	59.317.264.798
Chi phí tài chính	22	29	31.102.239.732	28.987.451.332
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.877.486.741	22.848.112.482
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	37.520.927.909	36.253.392.843
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		105.545.396.491	91.381.440.052
Thu nhập khác	31		47.836.987	160.638.550
Chi phí khác	32		459.897.737	311.827.035
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(412.060.750)	(151.188.485)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		105.133.335.741	91.230.251.567
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	19.233.796.690	18.429.020.291
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		85.899.539.051	72.801.231.276

Người lập:


 Nguyễn Thị Hoàng Yến
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Thanh Hào
 Kế toán trưởng


 Vũ Đình Hiền
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	105.133.335.741	91.230.251.567
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	172.322.930.540	145.990.301.464
Các khoản dự phòng	03	10.708.285.392	9.503.581.131
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(218.775.263)	2.471.432.173
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.316.111.847)	(55.797.341.754)
Chi phí lãi vay	06	28.877.486.741	22.848.112.482
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	304.507.151.304	216.246.337.063
Biến động các khoản phải thu	09	(23.054.355.860)	(16.708.884.925)
Biến động hàng tồn kho	10	11.865.714.172	(14.816.347.935)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(6.597.308.110)	35.597.222.400
Biến động chi phí trả trước	12	450.529.998	(561.629.657)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	3.227.126.414
		287.171.731.504	222.983.823.360
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.396.214.181)	(22.703.210.062)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.996.999.551)	(24.710.891.757)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.845.549.500)	(4.198.428.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	236.932.968.272	171.371.293.541
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.050.248.369)	(492.454.019.746)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	99.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	183.600.000.000
Tiền thu lãi và cổ tức	27	5.903.552.121	15.102.669.994
Tiền thu từ sáp nhập công ty con		4.143.249.387	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.996.553.139	(293.652.349.752)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(23.773.475.216)	-
Tiền thu từ đi vay	33	40.497.335.788	334.985.779.315
Tiền trả nợ gốc vay	34	(139.913.044.628)	(229.373.319.315)
Tiền trả cổ tức	36	(54.776.752.800)	(31.962.488.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(177.965.936.856)	73.649.971.475
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	66.963.584.555	(48.631.084.736)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	34.113.248.170	82.744.231.724
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.467)	101.182
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	101.076.822.258	34.113.248.170

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàng Yến
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”), trước đây là Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải và được Bộ Vật tư thành lập theo Quyết định số 1683/VT-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 1980.

Theo Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005, Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 9 năm 2005 với tên gọi là Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO. Công ty kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I theo các quy định của pháp luật.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Cung ứng dịch vụ vận tải ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển; đại lý vận tải đường biển;
- Cung ứng dịch vụ kho bãi và dịch vụ kho ngoại quan;
- Cung ứng cho thuê thuyền viên cung ứng tàu biển; môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; khai thuế hải quan; và
- Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu và các thiết bị sử dụng gas hóa lỏng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 3 công ty con (1/1/2017: 4 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty liên kết) được liệt kê tại Thuyết minh 13.

Tại ngày 21 tháng 7 năm 2017, theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Công ty sáp nhập Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO, một công ty con, thành đơn vị hạch toán độc lập của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 8 năm 2017 (Thuyết minh 4).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 94 nhân viên (1/1/2017: 67 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(f) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	12 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	30 năm
-----------	--------

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phản ánh các khoản chi phí sửa chữa lớn định kỳ cho 2 con tàu P16 và P18. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 tháng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí phục vụ quá trình mua và nhận bàn giao tàu mới

Chi phí phục vụ quá trình mua và nhận bàn giao tàu mới bao gồm phí giám định tàu, phí khảo sát tàu và phí tư vấn luật sư ký kết mua tàu P18. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2,5 năm/lần. Chi phí sửa chữa lớn cho mỗi kỳ sáu tháng được ước tính bằng 1/5 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty, công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Sáp nhập công ty con

Tại ngày 21 tháng 7 năm 2017, theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Công ty sáp nhập Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO, một công ty con, thành đơn vị hạch toán độc lập của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 8 năm 2017.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con được Công ty ghi nhận theo giá trị trên sổ sách của Công ty MTV Bất động sản VIPCO tại ngày được sáp nhập vào Công ty. Chi tiết như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm sáp nhập VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.143.249.387
Các khoản phải thu ngắn hạn	347.238.112
Hàng tồn kho	33.547.230.582
Các khoản phải thu dài hạn	92.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(181.341.561)
Tài sản cố định	3.749.735.780
Bất động sản đầu tư	86.589.345.603
Tài sản dở dang dài hạn	2.393.855.199
Đầu tư dài hạn khác	1.064.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.008.000.000)
Tài sản dài hạn khác	1.192.792.235
Các khoản phải trả ngắn hạn	1.411.686.601
Vay ngắn hạn	(995.333.840)
Các khoản phải trả dài hạn	(2.346.458.098)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	130.000.000.000
Phần tài sản thuần thuộc Công ty trước và sau khi sáp nhập	130.000.000.000
Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào công ty con	(132.500.000.000)
Lỗ do sáp nhập công ty con	(2.500.000.000)

Chênh lệch phát sinh do sáp nhập công ty con thành đơn vị hạch toán độc lập của Công ty được hạch toán là một khoản giảm trực tiếp vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	227.572.360	318.854.978
Tiền gửi ngân hàng	7.849.249.898	3.794.393.192
Các khoản tương đương tiền	93.000.000.000	30.000.000.000
	101.076.822.258	34.113.248.170

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	36.680.143.571	50.783.922.693
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	1.392.563.280	648.000.000
Các bên khác		
Các khách hàng khác	899.901.646	-
	38.972.608.497	51.431.922.693

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và công ty liên kết không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tạm ứng	1.385.623.958	1.822.563.801
Phải thu hỗ trợ thuyền viên	765.565.108	-
Phải thu lãi tiền gửi	283.833.333	39.722.221
Phải thu cổ tức	-	725.087.826
Phải thu khác	1.056.438.418	634.077.140
	3.491.460.817	3.221.450.988

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải (i)	19.437.499.267	19.437.499.267
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú (ii)	18.663.000.000	18.663.000.000
Ký cược, ký quỹ	1.672.609.802	1.533.434.580
	39.773.109.069	39.633.933.847

- (i) Số dư phải thu Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải thể hiện giá trị gốc cho vay, lãi vay dự thu và khoản cổ tức phải thu từ Công ty con với số tiền lần lượt là 13.700.000.000 VND, 4.666.499.267 VND và 1.071.000.000 VND. Các khoản phải thu này đã quá hạn từ năm 2013 và không được gia hạn thêm. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty đã ngừng tính lãi đối với khoản cho vay này từ 1 tháng 1 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho khoản phải thu gốc cho vay, lãi vay tương ứng và khoản cổ tức phải thu.
- (ii) Số dư phải thu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú thể hiện khoản ký quỹ Công ty đã chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú để đặt cọc đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/04/HTĐT/2008 ngày 1 tháng 4 năm 2008 và Biên bản thỏa thuận số 01/HĐ/VIPCO-TLP ngày 5 tháng 4 năm 2008 giữa 2 công ty. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú sẽ thu xếp vốn vay ưu đãi cho Công ty bắt đầu từ tháng 4 năm 2008. Tuy nhiên, do Công ty Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú không thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư nói trên và Biên bản thỏa thuận tương ứng, Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho số dư khoản phải thu này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2017			1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn							
Trường Cao đẳng Nghề Duyên Hải	Trên 3 năm	19.437.499.267	(19.437.499.267)	-	19.437.499.267	(19.437.499.267)	-
Công ty TNHH Thương mại Sân xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú	Trên 3 năm	18.663.000.000	(18.663.000.000)	-	18.663.000.000	(18.663.000.000)	-
Các công ty khác	Trên 3 năm	181.341.561	(181.341.561)	-	-	-	-
		38.281.840.828	(38.281.840.828)	-	38.100.499.267	(38.100.499.267)	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn

(38.281.840.828)

(38.100.499.267)

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	47.764.200.091	(7.363.432.265)	59.012.195.324	(7.363.432.265)
Công cụ và dụng cụ	744.866.557	-	647.975.305	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.756.998.070	-	-	-
Hàng hóa	3.075.622.321	-	-	-
	81.341.687.039	(7.363.432.265)	59.660.170.629	(7.363.432.265)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 7.982 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2017: 7.982 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	325.266.551	1.542.377.249	1.462.249.975	2.486.655.485.508	2.489.985.379.283
Tăng trong năm	-	-	74.722.375	-	74.722.375
Tăng do sáp nhập công ty con	43.116.851	11.600.549.013	88.776.750	-	11.732.442.614
Số dư cuối năm	368.383.402	13.142.926.262	1.625.749.100	2.486.655.485.508	2.501.792.544.272
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	325.266.551	1.432.231.861	1.403.240.135	1.389.774.306.477	1.392.935.045.024
Khấu hao trong năm	-	635.094.809	24.695.030	170.092.149.372	170.751.939.211
Tăng do sáp nhập công ty con	43.116.851	7.850.813.233	88.776.750	-	7.982.706.834
Số dư cuối năm	368.383.402	9.918.139.903	1.516.711.915	1.559.866.455.849	1.571.669.691.069
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	110.145.388	59.009.840	1.096.881.179.031	1.097.050.334.259
Số dư cuối năm	-	3.224.786.359	109.037.185	926.789.029.659	930.122.853.203

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 326.553 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 326.390 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 714.065 triệu VND (1/1/2017: 833.081 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Bất động sản đầu tư****Nhà cửa,
vật kiến trúc
VND****Nguyên giá**

Số dư đầu năm	-
Tăng do sáp nhập công ty con	113.357.805.704
Số dư cuối năm	113.357.805.704

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	-
Tăng do sáp nhập công ty con	26.768.460.101
Khấu hao trong năm	1.570.991.329
Số dư cuối năm	28.339.451.430

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	85.018.354.274

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị xây lắp đã hoàn thành và trang thiết bị của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 37 Phan Bội Châu, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng có thời gian khấu hao trong 30 năm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	148.086.009.551	140.505.939.805
Tăng trong năm	1.975.525.994	492.454.019.746
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(484.873.950.000)
Xóa sổ	(14.545.455)	-
Số dư cuối năm	150.046.990.090	148.086.009.551

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công trình Tòa nhà 37 Phan Bội Châu (*)	136.881.558.729	134.906.032.735
Hệ thống xếp xe tự động Tòa nhà 37 Phan Bội Châu (*)	11.715.351.361	11.715.351.361
Cửa hàng Xăng dầu Anh Dũng (*)	1.450.080.000	1.450.080.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	14.545.455
	150.046.990.090	148.086.009.551

(*) Các công trình này được bắt đầu xây dựng từ năm 2008 trên mảnh đất có diện tích 1.148m² được Công ty thuê từ UBND Thành phố Hải Phòng trong vòng 50 năm bắt đầu từ năm 1993. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, dự án đã dừng thi công. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang lên kế hoạch thoái vốn từ dự án trên.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2017			1/1/2017		
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con									
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	Quảng Ninh	100%	100%	55.000.000.000	(10.331.222.459)	(*)	55.000.000.000	(11.717.777.317)	(*)
Công ty TNHH MTV Truyền viên VIPCO	Phòng Hải	100%	100%	7.500.000.000	-	(*)	7.500.000.000	-	(*)
Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải	Phòng Hải	70%	70%	21.000.000.000	(12.986.982.007)	(*)	21.000.000.000	(12.130.359.308)	(*)
Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO (**)	Phòng Hải	-	-	-	-	-	132.500.000.000	-	(*)
				83.500.000.000	(23.318.204.466)		216.000.000.000	(23.848.136.625)	
Công ty liên kết									
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	45,1%	45,1%	68.000.000.000	(2.851.217.551)	(*)	68.000.000.000	-	(*)
Đơn vị khác									
Công ty Cổ phần An Phú	TP HCM	0,55%	0,55%	57.224.000.000	(54.227.000.000)		56.160.000.000	(53.552.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu	Quảng Ninh			4.230.000.000	(4.230.000.000)		4.230.000.000	(4.230.000.000)	(*)
				61.454.000.000	(58.457.000.000)		60.390.000.000	(57.782.000.000)	
				212.954.000.000	(84.626.422.017)		344.390.000.000	(81.630.136.625)	

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Tại ngày 21 tháng 7 năm 2017, theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Công ty sáp nhập Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO, một công ty con, thành đơn vị hạch toán độc lập của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 8 năm 2017.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	179.647.067	1.648.365.888
Công ty con		
Công ty TNHH Thuyền Viên VIPCO	10.478.712.510	3.485.847.565
Chi nhánh Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	-	3.260.507.950
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	1.463.392.536	-
Tổng Công ty Hoá dầu Petrolimex - CTCP	57.728.000	820.143.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	36.423.200	36.423.200
Công ty Xăng dầu B12	-	4.954.546.000
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	-	2.859.679.898
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	-	1.573.721.600
Các bên khác		
MAN Diesel & Turbo UK Ltd	2.348.691.333	711.172.170
DNV GL AS	19.873.000	3.810.113.462
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	4.655.302.142
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Hải Phòng	-	2.093.899.796
Công ty Cổ phần Điện tử Hàng hải	-	1.882.787.000
S & J Trading Inc	-	1.367.786.747
Các nhà cung cấp khác	5.487.364.677	6.805.095.191
	20.071.832.323	39.965.392.109

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 5 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước phản ánh khoản thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu tạm nộp cho Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng liên quan đến việc nhập khẩu tàu P18 theo Quyết định số 3298/QĐ-HQHP ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, sau đó Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 4752/QĐ-HQHP ngày 22 tháng 12 năm 2017 hủy bỏ nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu được ấn định trong Quyết định số 3298/QĐ-HQHP.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.010.940.384	58.002.829.586	(57.451.348.466)	1.562.421.504
Thuế xuất nhập khẩu	-	136.830.482	(136.830.482)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.829.020.289	19.233.796.690	(13.996.999.551)	8.065.817.428
Thuế thu nhập cá nhân	155.720.052	3.038.684.137	(2.283.237.364)	911.166.825
Tiền thuê đất	-	529.413.000	(529.413.000)	-
Thuế khác	-	672.945.217	(672.945.217)	-
	3.995.680.725	81.614.499.112	(75.070.774.080)	10.539.405.757

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	1.511.847.180	2.030.574.620
Các khoản trích trước khác	1.523.168.215	1.306.839.108
	3.035.015.395	3.337.413.728

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	729.066.656	231.767.606
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	648.639.021	-
Phải trả hỗ trợ thuyền viên	846.599.165	-
Phải trả cho các công ty con	243.210.303	712.789.339
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	131.521.405	134.013.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.537.195.215	3.830.329.846
	7.136.231.765	4.908.899.816

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	41.492.669.628	(41.492.669.628)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	98.365.250.000	112.793.500.000	(98.365.250.000)	112.793.500.000
	98.365.250.000	154.286.169.628	(139.857.919.628)	112.793.500.000

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	VND	2026	248.404.000.000	263.016.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (b)	USD	2019	125.354.250.000	209.383.125.000
			373.758.250.000	472.399.125.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(112.793.500.000)	(98.365.250.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			260.964.750.000	374.033.875.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản vay (a) nhằm mục đích đầu tư mua tàu Petrolimex 18. Lãi suất áp dụng là lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + 2,20%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 412.171 triệu VND (1/1/2017: 460.659 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Khoản vay (b) từ một nhóm các ngân hàng trong đó Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là ngân hàng đầu mối nhằm mục đích đầu tư mua tàu Petrolimex 15 và Petrolimex 16. Các lãi suất áp dụng là lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau bình quân của các ngân hàng cho vay + 2,50%/năm và LIBOR USD 6 tháng + 4,00%/năm tương ứng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 301.894 triệu VND (1/1/2017: 372.422 triệu VND) (Thuyết minh 10).

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh khoản dự phòng sửa chữa tàu. Công ty thực hiện việc trích dự phòng chi phí sửa chữa lớn cho tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển theo chu kỳ lên đà sửa chữa 2,5 năm/lần.

Biến động của khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng sửa chữa tàu VND
Số dư đầu năm	10.000.000.000
Dự phòng lập trong năm	26.220.000.000
Dự phòng sử dụng trong năm	(17.500.000.000)
Số dư cuối năm	18.720.000.000

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	14.213.600.705	10.597.728.705
Trích lập trong năm	5.000.000.000	7.927.800.000
Tăng do sáp nhập công ty con	47.000.000	-
Sử dụng trong năm	(6.845.549.500)	(4.311.928.000)
Số dư cuối năm	12.415.051.205	14.213.600.705

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	639.934.000.000	7.571.969.722	-	319.318.350.008	59.419.755.967	1.026.244.075.697
Phát hành cổ phiếu	44.775.410.000	-	-	(44.775.410.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	72.801.231.276	72.801.231.276
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	31.814.194.193	(31.814.194.193)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.927.800.000)	(7.927.800.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(616.898.154)	(616.898.154)
Số dư tại ngày 1/1/2017	684.709.410.000	7.571.969.722	-	306.357.134.201	91.862.094.896	1.090.500.608.819
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	85.899.539.051	85.899.539.051
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(23.773.475.216)	-	-	(23.773.475.216)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(54.776.752.800)	(54.776.752.800)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(478.099.628)	(478.099.628)
Ảnh hưởng của việc sáp nhập công ty con (Thuyết minh 1(d))	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	684.709.410.000	7.571.969.722	(23.773.475.216)	306.357.134.201	115.006.781.519	1.089.871.820.226

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	68.470.941	684.709.410.000	68.470.941	684.709.410.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.470.941	684.709.410.000	68.470.941	684.709.410.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(3.000.000)	(23.773.475.216)	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	65.470.941	654.709.410.000	68.470.941	684.709.410.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 54.777 triệu VND (2016: 31.997 triệu VND). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 55/VP-NQ-HĐQT ngày 22 tháng 2 năm 2017.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	109.704.000	3.284.904.000
Trong vòng hai đến năm năm	438.816.000	438.816.000
Sau năm năm	2.322.068.000	2.431.772.000
	2.870.588.000	6.155.492.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	353	8.012.391	364	8.272.223

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu:		
▪ Cung cấp dịch vụ	568.533.250.936	455.489.402.208
▪ Bán hàng	6.096.620.746	3.392.820.510
▪ Cho thuê	6.909.005.382	-
	581.538.877.064	458.882.222.718

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn:		
▪ Cung cấp dịch vụ	412.345.999.052	358.570.273.837
▪ Bán hàng	2.932.651.583	3.006.929.452
▪ Cho thuê	5.068.983.725	-
	420.347.634.360	361.577.203.289

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	2.900.040.875	3.471.364.605
Cổ tức được chia	9.430.616.427	3.626.977.149
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	48.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	427.888.863	3.618.923.044
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	218.775.263	-
	12.977.321.428	59.317.264.798

29. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	28.877.486.741	22.848.112.482
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.471.432.173
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	236.467.599	2.827.367.132
Lãi do chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	-	(238.903.600)
Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.988.285.392	1.079.443.145
	31.102.239.732	28.987.451.332

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	20.524.463.933	17.350.619.984
Chi phí thuê văn phòng và dịch vụ đi kèm	2.470.571.772	4.341.600.000
Chi phí tiếp khách	3.653.398.310	3.989.695.080
Chi phí công tác	2.946.938.632	1.283.228.802
Phân bổ chi phí trả trước	815.206.841	1.665.701.240
Chi phí khấu hao	793.608.952	556.549.705
Chi phí thuê đất	380.355.000	379.111.500
Dự phòng lập trong năm	-	1.071.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.320.964.631	2.687.904.942
Chi phí khác	3.615.419.838	2.927.981.590
	37.520.927.909	36.253.392.843

31. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	19.445.726.432	24.608.429.731
Chi phí nhân viên	79.128.297.540	70.273.505.407
Chi phí khấu hao	172.322.930.540	145.990.301.464
Chi phí sửa chữa tàu	96.030.787.482	85.134.508.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.003.802.913	52.795.722.695
Chi phí khác	18.165.551.163	16.021.198.767

32. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	105.133.335.741	91.230.251.567
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.026.667.148	18.246.050.313
Chi phí không được khấu trừ thuế	93.252.827	908.365.408
Thu nhập không bị tính thuế	(1.886.123.285)	(725.395.430)
	19.233.796.690	18.429.020.291

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, từ năm 2016 Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Bù trừ cổ tức phải thu và nợ phải trả	6.344.437.342	5.182.904.526
Phát hành cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển	-	44.775.410.000
Chuyển Tài sản dài hạn khác thành Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	4.230.000.000

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</i>		
Cung cấp hàng hóa	1.759.029.447	3.392.820.510
Cung cấp dịch vụ	567.355.069.118	434.435.620.390
Mua hàng hóa	5.589.761.308	2.246.654.122
Cổ tức	27.938.585.600	-
Công ty con		
<i>Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long</i>		
Mua hàng hóa	5.985.500.574	10.712.076.370
Mua dịch vụ	47.820.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO</i> <i>(đến ngày 21 tháng 7 năm 2017 – ngày sáp nhập)</i>		
Mua dịch vụ	2.470.571.772	4.533.393.488
Thu nhập từ cổ tức	9.226.036.356	3.544.765.559
<i>Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO</i>		
Chi phí thuyền viên	52.317.621.156	44.942.444.247
Thu nhập từ cổ tức	204.577.671	39.545.090
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.347.045.306	1.178.181.818

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i>		
Mua hàng hóa	6.018.209.436	5.414.297.820
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Hải Phòng</i>		
Mua dịch vụ	29.200.162.281	12.858.962.251
<i>Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex</i>		
Mua dịch vụ	1.330.356.851	-
<i>Công ty Xăng dầu B12</i>		
Mua hàng hóa	-	6.985.252.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Singapore</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	4.690.350.000
Mua hàng hóa	-	6.323.378.817
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	11.388.300.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.275.395.058
<i>Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng</i>		
Mua dịch vụ	2.343.162.133	6.528.064.406
<i>Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex</i>		
Mua hàng hóa	309.415.300	2.440.456.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.683.345.120	3.349.115.743
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	4.247.796.080	4.435.873.075

35. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán năm

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, tại cuộc họp ngày 5 tháng 2 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt tương ứng 8% vốn cổ phần (800 VND trên một cổ phiếu). Số cổ tức phải trả chưa được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

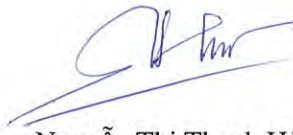
Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàng Yến
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hảo
Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền
Tổng Giám đốc

H.H.H
★
01